VỀ THUẾ CỦA THÀNH PHỐ

市の税金について

～ HÃY BIẾT THUẾ CỦA THÀNH PHỐ！～

～ 市の税金を知りましょう！～

Thành phố Kawaguchi

川口市

Mục lục

目　次

1. Thuế là gì? … Trang 1
税金とは ･･･1ページ

2. Cách sử dụng thuế … Trang 2 ･･･2ページ
税金の使い道

3. Thuế cư dân thành phố và tỉnh ... Trang 3 ･･･3ページ
市民税･県民税

4. Thuế xe ô tô hạng nhẹ … Trang 5 ･･･5ページ
軽自動車税

5. Thuế tài sản cố định … Trang 7 ･･･7ページ
固定資産税

6. Cách nộp thuế … Trang 9 ･･･9ページ
税金の支払い方法

7. Những người đang sống ở nước ngoài, sẽ xuất cảnh đến nước ngoài hay chuyển … Trang 14 ･･･14ページ
海外に住んでいる、出国する、引越しする人

8. Về việc phát cấp giấy chứng nhận thuế cư dân thành phố và tỉnh … Trang 17 ･･･17ページ
市民税･県民税の証明書の発行について

9. Các loại thuế khác của thành phố …Trang 19 ･･･19ページ
その他の市の税金

10. Thông tin liên hệ về thuế của thành phố v.v. …Trang 21 ･･･22ページ
市の税金等の問合せ先

1. Thuế là gì?

1　税金とは

Ở xung quang chúng tôi có nhiều loại thuế cuả thành phố khác nhau. Trong đó có thuế đối với thu nhập của cá nhân hoặc pháp nhân, thuế đối với xe ô tô hạng nhẹ hoặc tài sản như đất đai, nhà ở mà bạn đang sở hữu v.v. Thuế của thành phố ở xung quanh chúng tôi được nêu ở dưới đây, và thành phố đang sử dụng tiền thuế mà các bạn đã nộp để thực hiện các dịch vụ hành chính khác nhau và đóng góp cho cuộc sống của mọi người.

私たちの身の回りには、様々な市の税金があります。個人や法人の収入に対してかかる税金、持っている軽自動車、土地・家屋等の財産に対してかかる税金などがあります。
身近な市の税金としては次のようなものがあり、市はお支払いしてもらった税金を使って、みなさんの生活に役立てるよう、様々な行政サービスを行っています。

■ Thuế cư dân thành phố và tỉnh ..... Trang 3
市民税・県民税・・・3ページ
■ Thuế xe ô tô hạng nhẹ ..... Trang 5
軽自動車税・・・・・・5ページ
■ Thuế tài sản cổ định ..... Trang 7
固定資産税・・・・・・7ページ

Ngoài ra, còn có thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (còn gọi là bảo hiểm y tế quốc dân), thuế cư dân thành phố pháp nhân, thuế cơ sở kinh doanh, thuế kế hoạch đô thị. ..... Trang 19

他にも、国民健康保険税や法人市民税、事業所税、都市計画税があります。・・・19ページ

2. Cách sử dụng thuế

２ 税金の使い道

Để mọi người có cuộc sống an tâm, cần có nhiều tiền. Mọi người chia phần và cùng đóng tiền, đó chính là thuế. Tất cả mọi thành viên đang sinh sống ở Nhật Bản đều là đối tượng chịu thuế, không phân biệt quốc tịch. Đặt biệt là thuế nộp cho thành phố được sử dụng nhằm bảo vệ cuộc sống an toàn và an tâm của mọi người.

みなさんが安心して生活するためには、たくさんのお金が必要です。そのお金をみなさんで出し合うのが税金です。これは、国籍に関係なく日本に住んでいるすべての人が対象となります。特に市に支払う税金はみなさんの安全・安心な生活を守るために使われています。

○ Ví du tiền thuế 1.000 yên được sử dụng như sau.

１，０００円の税金は、このような使い道をしています。

■ Để thực hiện dịch vụ phúc lợi dành cho người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật v.v., hoặc việc kinh doanh nhà trẻ v.v. 467 yên

お年寄りやお子様、体の不自由な人等の福祉や保育園の運営等のため ４６７円

■ Để quản lý và bảo dưỡng các trường học, trường mẫu giáo, trung tâm thể thao, nhà văn hoá công cộng v.v. 129 yên

学校や幼稚園、スポーツセンター、公民館等の維持管理のため １２９円

■ Để hoàn thiện các đường phố, công viên v.v. 118 yên

道路、公園等の整備のため １１８円

■ Để thu gom rác, thực hiện tiêm chủng và biện pháp bệnh truyền nhiễm v.v. 88 yên

ごみ収集や予防接種、感染病対策等のため ８８円

■ Để thực hiện biện pháp phòng chống thiên tai, phòng chống tội phạm v.v. 77 yên

防災、防犯対策等のため ７７円

■ Để hoạt động cứu hộ sinh mệnh của xe cứu hoả và xe cấp cứu v.v. 32 yên

消防車や救急車の人命救助活動等のため ３２円

■ Khác 89 yên

その他 ８９円

3. Thuế cư dân thành phố và tỉnh

(shimin-zei / kenmin-zei)

３ 市民税・県民税

○ Thuế cư dân thành phố và tỉnh là gì?

市民税・県民税とは

■ Thuế cư dân thành phố và tỉnh là thuế nộp cho thành phố và tỉnh mà bạn sinh sống vào thời điểm ngày 1 tháng 1.

市民税・県民税とは、１月１日に住んでいる市と県に支払う税金です。

■ Dù là trường hợp đã chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi, nhưng nếu sinh sống ở thành phố Kawaguchi vào ngày 1 tháng 1 thì bạn cần phải nộp tất cả tiền thuế cho thành phố Kawaguchi.

川口市から引越しした場合でも、１月１日に川口市に住んでいたら川口市に全額支払います。

■ Bạn cần phải nộp thuế cư dân thành phố và tỉnh trong trường hợp bạn đã có thu nhập nhiều hơn tiêu chuẩn nhất định, chẳng hạn như bạn đã lãnh lương trong một năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm trước.

市民税・県民税は、前年の１月１日から１２月３１日までの１年間で給料をもらっている等、一定以上の収入がある場合にかかります。

○ Khai báo thuế cư dân thành phố và tỉnh

市民税・県民税の申告

■ Những người sinh sống ở thành phố Kawaguchi vào ngày 1 tháng 1 phải khai báo thu của nhập năm trước cho đến ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Tuy nhiên, những người đã khai báo thuế thu nhập (kakutei-shinkoku) tại các sở thuế thì không cần khai báo thuế cư dân thành phố và tỉnh.

１月１日に川口市に住んでいる人は、毎年３月１５日までに前年の収入を申告しなければなりません。

ただし、税務署で所得税の確定申告をした人は、市民税・県民税の申告は必要ありません。

■ Nếu bạn đã lãnh lương từ cùng một công ty và công ty đó đã khai báo thì có trường hợp bạn không cần khai báo nữa.

１月１日から１２月３１日まで同じ会社で給料をもらっていて会社が申告していると、申告が不要になる場合もあります。

■ Dù là những người không cần khai báo vì thu nhập chỉ là tiền lương của một công ty nhưng cũng có khả năng thuế cư dân thành phố và tỉnh sẽ giảm sau khi khai báo và bổ sung thêm khấu trừ. Ví dụ như là khấu trừ cho gia đình mà bạn đang nuôi dưỡng, khấu trừ cho tiền bảo hiểm nhân thọ.

収入が給料だけの人で申告が不要であった人でも、申告をして控除を追加することにより市民税・県民税が安くなることがあります。たとえば、扶養している親族の控除や生命保険料の控除です。

■ Trong trường hợp bạn nuôi dưỡng gia đình sinh sống ở nước ngoài, bạn cần có giấy chứng nhận gửi tiền, giấy tờ để chứng minh quan hệ người thân. Vui lòng liên hệ với Phòng thuế cư dân thành phố để hỏi chi tiết.

国外に住んでいる親族を扶養に取る場合は、送金証明書や親族関係を証明する書類等が必要となります。詳しくは市民税課にお問い合わせください。

■ Sau khi khai báo, giấy chứng nhận chịu thuế (giấy chứng nhận không chịu thuế) cư dân thành phố và tỉnh sẽ được cấp phát.

Giấy chứng nhận sẽ cần thiết khi gia hạn visa, nhận hỗ trợ học tập hay tiền hỗ trợ học ở trường trung học phổ thông v.v., quyết định tiền thuê chung cư công cộng, đăng ký được ngân hàng cấp vốn hay cho vay tiền để mua nhà.

申告をすると、市民税・県民税課税証明書（非課税証明書）が発行できるようになります。
証明書はビザの更新、就学援助、高等学校等就学支援金、公営住宅の家賃の決定、銀行への融資・住宅ローンの申し込み等の際、必要となります。

■ Những người không có thu nhập nếu không khai báo thì số tiền bạn chịu khi hưởng dịch vụ hành chính sẽ có khả năng cao hơn so với trường hợp bạn đã khai báo. Ví dụ như là thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân, học phí của nhà trẻ, tiền hỗ trợ nhập học cho trường mẫu giáo.

収入が無い人でも申告をしないと、申告をしたときと比べ、行政サービスを受けるときに負担する金額が高くなることがあります。例えば国民健康保険税、保育園の保育料、幼稚園の就園奨励費です。

4. Thuế xe ô tô hạng nhẹ

4　軽自動車税

○ Thuế xe ô tô hạng nhẹ là gì?

軽自動車税とは

■ Là loại thuế mà những người sở hữu xe gắn máy hoặc xe ô tô hạng nhẹ (lượng khí thải từ 660cc trở xuống) vào thời điểm ngày 1 tháng 4 hàng năm phải nộp.

毎年4月1日現在、バイクや軽自動車（排気量660cc以下）等を持っている人が支払う税金です。

■ Dù là trường hợp bỏ xe hoặc thay đổi danh nghĩa sau ngày 2 tháng 4, bạn vẫn cần nộp thuế xe ô tô hạng nhẹ cho một năm.

4月2日以降に、廃車・名義変更をした場合でも、1年分の軽自動車税を支払う必要があります。

■ Số tiền thuế xe ô tô hạng nhẹ sẽ khác nhau dựa vào loại xe.

軽自動車税の税額は、車種によって違います。

○ Khai báo

申告

■ Khi bạn bỏ xe, tặng xe hoặc bán xe cho người khác, khi chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi hoặc khi bị trộm cắp xe, nhất định hãy khai báo như bảng dưới đây.

バイクや軽自動車等を廃車するとき、人にあげるとき、売るとき、川口市から引越しするとき、盗まれたときには、下の表のとおり、必ず申告をしてください。

■ Nếu không khai báo thì bạn phải tiếp tục chịu mãi thuế xe ô tô hạng nhẹ.

申告をしないと、いつまでも軽自動車税がかかります。

Loại xe	Nơi khai báo
Xe gắn máy (từ 125cc trở xuống) Xe ô tô đặc biệt hạng nhỏ (máy kéo v.v.)	Tòa hành chính TP.Kawaguchi Phòng thuế cư dân thành phố Ban các loại thuế Số 2-1-1, Aoki, TP. Kawaguchi 048-259-7633
Xe ô tô hạng nhẹ (xe 4 bánh hạng nhẹ, xe 3 bánh hạng nhẹ)	Hiệp hội kiểm tra xe ô tô hạng nhẹ Văng phòng tỉnh Saitama Số 505-1, Azamae, Hirakataryoryouke, Oaza, TP. Ageo 050-3816-3110
Xe 2 bánh (từ 125cc trở lên)	Cục vân tải Kanto Chi cục vân tải tỉnh Saitama Nakakugi, Oaza, quận Nishi, TP. Saitama 050-5540-2026

車の種類	申告する場所
原動機付自転車（125cc以下） 小型特殊自動車（トラクター等）	川口市役所　市民税課　諸税係 川口市青木2－1-1 048－259－7633
軽自動車 （軽四輪・軽三輪）	軽自動車検査協会　埼玉事務所 上尾市大字平方領領家字前505－1 050－3816－3110
二輪車 （125cc超）	関東運輸局　埼玉運輸支局 さいたま市西区大字中釘 050－5540－2026

*Thuế xe ô tô
- Bạn cần chịu thuế đối với xe ô tô có lượng khí thải từ 660cc trở lên.
- Về thuế xe ô tô, vui lòng liên hệ với Văn phòng thuế xe ô tô.
（050-3786-1222）

※ 自動車税
・ 排気量660ccを超える自動車には自動車税がかかります。
・ 自動車税については、自動車税事務所（050－3786－1222）にお問い合わせください。

○ Cách nộp thuế xe ô tô hạng nhẹ

軽自動車税の支払い方法

■ Thư thông báo nộp thuế của thuế xe ô tô hạng nhẹ (phong bì) sẽ được gửi đến vào giữa tháng 5 hàng năm.

軽自動車税の納税通知書（封筒）は、毎年5月の中旬に届きます。

■ Hãy mang thư nộp thuế (giấy để chi trả) đến ngân hàng, bưu điện, cửa hàng tiện lợi và nhất định hãy nộp trước thời hạn là ngày 31 tháng 5.

納付書（支払用紙）を銀行や郵便局、コンビニエンスストアに持っていき、納期限の5月31日までに必ず支払ってください。

5. Thuế tài sản cố định (đất đai, nhà ở, tài sản khấu hao)

5　固定資産税（土地・家屋・償却資産）

○ Thuế tài sản cố định là gì?

固定資産税とは

Thuế tài sản cố định là loại thuế đối với đất đai, nhà ở, máy móc được sử dụng để hưởng lợi nhuận v.v. Những người sở hữu các tài sản đó trong địa bàn thành phố Kawaguchi phải nộp thuế tài sản cố định cho thành phố Kawaguchi.

固定資産税とは、土地や家屋、利益を得るために使う機械等にかかる税金です。川口市内にその財産を持っている人は、川口市に固定資産税を支払います。

○ Tài sản cố định thuộc đối tượng chịu thuế

税金の対象となる固定資産

■ Đất đai ..... đất cho nhà ở, ruộng, cánh đồng, đất loại khác v.v.

土地・・・・・宅地、田、畑、山林、雑種地等

■ Nhà ở ..... nhà ở, văn phòng, cửa hàng, nhà máy, nhà kho v.v.

家屋・・・・・住宅、事務所、店舗、工場、倉庫等

■ Tài sản khấu hao ..... máy móc, dụng cụ, hàng dự bị, cơ sở được sử dụng để hưởng lợi nhuận v.v.

償却資産・・・・・利益を得るために使う機械、器具、備品、構築物等

○ Những người cần phải nộp thuế tài sản cố định

固定資産税を支払う人

■ Những người phải nộp thuế đối với đất đai, nhà ở

土地・家屋の税金を支払う人

Những người được đăng ký trên danh sách đăng ký của Cục pháp vụ vào thời điểm ngày 1 tháng 1 hàng năm.

Những người sở hữu đất đai, nhà ở vào thời điểm ngày 1 tháng 1 thì dù sẽ bán đất đai, nhà ở vào một thời điểm nào đó trong năm nhưng vẫn phải nộp thuế cho một năm.

毎年1月1日現在で、法務局の登記簿に登録されている人等。

1月1日に土地、家屋を持っている人は、年の途中で土地・家屋を売ったとしても1年分の税金を支払わなければなりません。

■ Những người phải nộp thuế đối với tài sản khấu hao

償却資産の税金を支払う人

Là cá nhân hay pháp nhân hoạt động kinh doanh, những người kinh doanh cửa hàng như quán ăn uống hoặc những người cho thuê bãi xe hay căn hộ v.v. và sở hữu máy móc, dụng cụ, hàng dự bị v.v. để hưởng lợi nhuận vào thời điểm ngày 1 tháng 1.

Dù bỏ máy móc hoặc tặng cho người khác vào một thời điểm nào đó trong năm, những người đó vẫn phải nộp thuế cho một năm.

Cá nhân hay pháp nhân đang hoạt động kinh doanh trong thành phố Kawaguchi phải khai báo các thiết bị đó cho thành phố Kawaguchi trước ngày 31 tháng 1.

会社や個人で事業を行ったり、飲食店などの店舗経営又は駐車場やアパートを貸し付けている人等で、1月1日現在に利益を得るための機械、器具、備品等を持っている人です。

機械等を年の途中で廃棄や手放したとしても、1年分の税金を支払うこととなります。

川口市内で会社や個人で事業を行っている人は、それらの設備を1月31日までに川口市に申告をしなければなりません。

■ Thư thông báo nộp thuế của thuế tài sản cố định (phong bì) và thư nộp thuế (giấy để chi trả) sẽ được gửi đến giữa tháng 5 hàng năm.

Ngoài ra, thuế tài sản cố định cho một năm sẽ được chia thành 4 lần để nộp (tham khảo trang 12).

固定資産税の納税通知書（封筒）と納付書（支払用紙）は毎年5月の中旬に届きます。

なお、固定資産税は1年分の税金を4回に分けてのお支払いとなります（13ページ参照）。

6. Cách nộp thuế

6　税金の支払い方法

(1) Thuế của thành phố bao gồm thuế cư dân thành phố và tỉnh, thuế tài sản cố định, thuế xe ô tô hạng nhẹ, thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân v.v.

Đối với <u>những người cần nộp trực tiếp</u>, thư thông báo nộp thuế (phong bì) sẽ được gửi đến vào các thời điểm hàng năm theo quy định. Trong phong bì có thư chi tiết đã được tính toán số tiền thuế và **<u>thư nộp thuế (giấy để chi trả)</u>**. Hãy **<u>xác nhận nội dung ngay sau khi thư thông báo nộp thuế (phong bì) được gửi đến</u>**.

市の税金は、市民税・県民税、固定資産税、軽自動車税、国民健康保険税等があります。

<u>直接支払う必要がある人</u>は、毎年決められた時期に納税通知書（封筒）が送られます。

封筒の中には、税額計算の内訳書のほか、**<u>納付書（支払用紙）が同封</u>**されています。

<u>納税通知書（封筒）が届いたら、すぐに内容を確認</u>してください。

(2) Thuế của thành phố có thời hạn nộp. **<u>Hãy mang thư nộp thuế mà bạn nhận được đến ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi để nộp trước thời hạn được quy định.</u>**

市の税金には、それぞれの税金を支払う期限が決められています。**<u>届いた納付書を銀行やコンビニエンスストアに持って行き、決められた期限までにお支払いください。</u>**

(3) **<u>Nếu không nộp</u>** thuế của thành phố **<u>trước thời hạn theo quy định thì bạn sẽ bị tính thêm tiền chậm nộp và phải nộp nhiều tiền so với tiền thuế đã được quyết định</u>**.

市の税金を**<u>決められた期限までに支払わないと、原則として延滞金が加算されますので、決められた税額より多く支払うこと</u>**となります。

(4) **Nếu không nộp** thuế của thành phố **trước thời hạn theo quy định thì thanh phố sẽ gửi thư đốc thúc để thông báo bạn phải nộp ngay**.

市の税金を**決められた期限までに支払わないと、督促状を送付し、すぐに支払わなければならないことをお知らせします。**

(5) Sau khi đã gửi thư đốc thúc mà bạn vẫn chưa nộp thì thành phố sẽ gửi lại thư yêu cầu **để thông báo một lần nữa là bạn phải nộp ngay**, cũng như thông báo **thành phố sẽ thu giữ số tiền thuế của thành phố từ tài sản của bạn (như tiền lương, tiền tiết kiệm gửi ngân hàng v.v.) một cách cưỡng bức**.

督促状を送付しても支払わないと、催告書などを送付し、**すぐに支払うよう重ねてお知らせ**するとともに、**あなたの財産（給料や預貯金など）から市の税金分を強制的に回収する**こととなることをお知らせします。

(6) Trong trường hợp thành phố đã thông báo qua thư đốc thúc và thư yêu cầu mà bạn vẫn chưa nộp thuế của thành phố, **thành phố sẽ tiến hành thu giữ số tiền thuế của thành phố từ tài sản của bạn (như tiền lương, tiền tiết kiệm gửi ngân hàng v.v.) một cách cưỡng bức**.

督促状や催告書でお知らせしたにもかかわらず、市の税金を支払わない場合は、**あなたの財産（給料や預貯金など）から市の税金分を強制的に回収します。**

Từ bước gửi thư thông báo nộp thuế (phong bì) đến bước thu giữ

(1) Gửi thông báo nộp thuế (phong bì)

(3) Tính thêm tiền chậm nộp sau khi thời hạn

(4) Đốc thúc　(5) Yêu cầu

(6) Thu giữ tài sản
(tiền lương, tiền gửi cho ngân hàng v.v.)

Đối với tiền thuế của thành phố đã không nộp đúng thời hạn, thành phố sẽ tính thêm tiền chậm nộp dựa trên thời gian từ ngày tiếp theo của thời hạn đến ngày nộp. Thời gian không nộp càng kéo dài thì số tiền chậm nộp càng tăng lên.

納税通知書（封筒）発送から差押えまで

①納税通知書（封筒）発送

③納期限経過後、延滞金加算

④督促・⑤催告

⑥財産（給料、預貯金など）の差押え

決められた期限を過ぎて、滞納となった市の税金には、期限の翌日から支払いの日までの期間に応じて延滞金が加算されます。滞納の期間が長期になると、延滞金も増えていきます。

○ Các tháng nộp thuế của thành phố

Thời hạn nộp	Hạng mục thuế / Thời hạn nộp		
Tháng 4			
Tháng 5	Thuế xe ô tô hạng nhẹ (nộp một lần)	Thuế tài sản cố định (kỳ 1)	
Tháng 6	Thuế cư dân thành phố và tỉnh (kỳ 1)		
Tháng 7		Thuế tài sản cố định (kỳ 2)	Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 1)
Tháng 8	Thuế cư dân thành phố và tỉnh (kỳ 2)		Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 2)
Tháng 9			Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 3)
Tháng 10	Thuế cư dân thành phố và tỉnh (kỳ 3)		Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 4)
Tháng 11			Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 5)
Tháng 12		Thuế tài sản cố định (kỳ 3)	Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 6)
Tháng 1	Thuế cư dân thành phố và tỉnh (kỳ 4)		Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 7)
Tháng 2		Thuế tài sản cố định (kỳ 4)	Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (kỳ 8)
Tháng 3			

○ 市の税金の支払月

納　　期	税　目 ・ 納　期		
4月			
5月	軽自動車税（全期）	固定資産税　（1期）	
6月	市民税・県民税　（1期）		
7月		固定資産税　（2期）	国民健康保険税　（1期）
8月	市民税・県民税　（2期）		国民健康保険税　（2期）
9月			国民健康保険税　（3期）
10月	市民税・県民税　（3期）		国民健康保険税　（4期）
11月			国民健康保険税　（5期）
12月		固定資産税　（3期）	国民健康保険税　（6期）
1月	市民税・県民税　（4期）		国民健康保険税　（7期）
2月		固定資産税　（4期）	国民健康保険税　（8期）
3月			

*Hãy nộp thuế của thành phố đúng thời hạn.

市税は決められた期限内に支払いましょう。

*Hãy sử dụng dịch vụ chuyển khoản để nộp thuế vì nó an toàn, chính xác và tiện lợi.

支払いは安全・確実・便利な口座振替をご利用ください。

*Chỉ trong trường hợp trước thời hạn, bạn có thể nộp bằng giấy nộp thuế có mã vạch (số tiền phải là dưới 300.000 yên) tại cửa hàng tiện lợi.

バーコード付きの納付書（金額が30万円以内）は、期限内に限りコンビニエンスストアでもお支払いができます。

■ Trong trường hợp không thể nộp vì bạn đã mất thư thông báo nộp thuế (phong bì)

納税通知書（封筒）を失くして支払えない場合

Trong trường hợp không thể nộp vì bạn đã mất thư thông báo nộp thuế (phong bì), hãy nhanh chóng liên hệ với thành phố (tham khảo trang 21) để yêu cầu cấp phát lại thư nộp thuế.

Trong trường hợp bạn mất thư thông báo mà cứ tiếp tục không nộp thuế thì thành phố sẽ tính thêm tiền chậm nộp và cuối cùng bạn phải nộp nhiều tiền so với những người đa nộp trước thời hạn.

納税通知書（封筒）を失くしてしまった場合は、早急に市（22ページ参照）へ連絡して、納付書の再発行を依頼してください。

失くしたまま税金を支払わない場合には、延滞金が加算され、決められた期限内に支払った人より多く税金を支払うこととなります。

■ Trong trường hợp bạn muốn chuyển khoản để nộp thuế

口座振替による支払いを希望する場合

Vui lòng đăng ký qua “Thư yêu cầu đăng ký chuyển khoản” được kèm theo thư thông báo nộp thuế (phong bì) hoặc “Thư yêu cầu đăng ký chuyển khoản” được đặt tại các quầy tiếp tân của thành phố hay ngân hàng.

*Những người chuyển khoản sẽ nộp thuế của thành phố qua tài khoản ngân hàng vào ngày thời hạn theo quy định. (Xin hãy lưu ý đến số tiền tiết kiệm gửi tài khoản.)

納税通知書（封筒）に添付されている「口座振替依頼書」又は、市の窓口及び銀行の窓口に置いてある「口座振替依頼書」により、申し込みください。

※　口座振替の方は、決められた期限日に口座から市の税金を支払います。（預貯金残高にご注意ください。）

■ Trong trường hợp bạn không thể nộp trước thời hạn vì các lý do đặc biệt như bệnh tật, thất nghiệp v.v.

病気、失業等の特別な事情により決められた期限までに支払えない場合

Trong trường hợp bạn không thể nộp trước thời hạn vì các lý do đặc biệt như “Công ty đã phá sản và tôi không thể lãnh lương được.” v.v. thì hãy nhanh chóng liên hệ với Phòng nộp thuế (tham khảo trang 21) và hỏi ý kiến để nộp thuế.

「勤め先が倒産し給料がもらえなくなった。」など、特別な事情により決められた期限までに市の税金を支払うことができなくなってしまった場合は、早急に納税課（22ページ参照）へ連絡し、納税相談を行ってください。

7. Những người đang sống ở nước ngoài, sẽ xuất cảnh đến nước ngoài hay chuyển nhà

7　海外に住んでいる、出国する、引越しする人

Những người đang sống ở nước ngoài, sẽ xuất cảnh từ Nhật Bản hay chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi thì hãy làm thủ tục như sau.

海外に住んでいる人や日本から出国する人、川口市から引越しする人は次のとおりの手続きを行ってください。

■ Trước khi chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi, hãy nộp tất cả các loại thuế trong phạm vi có thể.

川口市から引越しする前に、なるべく全ての税金をお支払いするようにしてください

Đối với những người đang nộp thuế trực tiếp, dù là trước thời hạn nhưng hãy nộp tất cả các loại thuế chưa nộp chẳng hạn như thuế cư dân thành phố và tỉnh, thuế xe ô tô hạng nhẹ, thuế tài sản cố định v.v. trước khi chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi trong phạm vi có thể.

Ngoài ra, đối với những người chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi trước khi thư thông báo nộp thuế (phong bì) được gửi đến, hoặc những người đang sống ở nước ngoài mà sở hữu đất đai hoặc nhà ở trong địa bàn thành phố Kawaguchi thì hãy đăng ký người quản lý nộp thuế.

直接税金を支払っている人は、決められた期限前でも、川口市から引越しする前に市民税・県民税や軽自動車税、固定資産税等の支払っていない税金をなるべく全額お支払いしてから引越しするようにしてください。

なお、納税通知書（封筒）が届く前に川口市から引越しする人や海外に住んでいて川口市内に土地・家屋を持っている人は納税管理人の届出をしてください。

■ Đăng ký người quản lý nộp thuế

納税管理人の届出

Người quản lý nộp thuế là người thay cho bạn nhận thư thông báo nộp thuế (phong bì) và nộp thuế. Trong trường hợp bạn chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi để sống ở nước ngoài v.v. thì hãy thực hiện đăng ký người quản lý nộp thuế cho thành phố Kawaguchi, là người có địa chỉ trong thành phố.

納税管理人はあなたに代わって納税通知書（封筒）を受け取ったり、あなたに代わって税金を支払う人です。海外に住む等、川口市から引越しする場合は市内等に住所がある人を納税管理人として川口市に届出を行ってください。

■ Những người khó đăng ký người quản lý nộp thuế, những người khó nộp toàn bộ số tiền thuế trước khi chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi.

納税管理人の届出が難しい人、川口市から引越しする前に全額支払うのが難しい人

Đối với những người gặp khó khăn về việc đăng ký người quản lý hoặc nộp toàn bộ số tiền thuế thì hãy liên hệ với Phòng nộp thuế.

*Phòng nộp thuế chỉ sử dụng tiếng Nhật.

納税管理人の届出や全額支払うのが困難な人は、納税課までご連絡ください。

※　日本語対応のみとなります。

■ Những người thuế được khấu trừ từ tiền lương

市民税･県民税を給料から差し引かれている人

Đối với những người mà thuế cư dân thành phố và tỉnh được khấu trừ từ tiền lương, trong trường hợp đã nghỉ hưu và có tiền thuế chưa nộp trước khi chuyển ra khỏi thành phố Kawaguchi thì hãy yêu cầu công ty sẽ khấu trừ toàn bộ số tiền từ số tiền lương cuối cùng hoặc sau khi nghỉ hưu hãy nộp thuế qua thư nộp thuế (giấy để chi trả) mà thành phố Kawaguchi sẽ gửi.

給料から市民税・県民税が差し引かれている人で、退職し川口市から引越しする時に支払っていない税金がある場合、全額を最後の給料から差し引くよう会社へ申し出るか、退職後に川口市から届く納付書(支払用紙)で支払ってください。

*Về cách tuyển chọn, thay đổi, hủy bỏ “người quản lý nộp thuế” thì vui lòng liên hệ với Phòng thuế cư dân thành phố, Phòng thuế tài sản cố định (tham khảo trang 21).

「納税管理人」の指定、変更、解除の方法につきましては、市民税課、固定資産税課までご連絡ください（22ページ参照）。

*Bạn cũng có thể tải xuống “Đơn đăng ký và thừa nhận người quản lý nộp thuế” trên trang web.

「納税管理人承認申請書」はホームページからもダウンロードできます。

8. Về việc cấp phát giấy chứng nhận thuế cư dân thành phố và tỉnh

８ 市民税・県民税の証明書の発行について

Thành phố Kawaguchi cấp phát “Giấy chứng nhận chịu thuế hay không chịu thuế của thuế cư dân thành phố và tỉnh”, là giấy có thể chứng nhận thu nhập trong năm của bạn v.v. và “Giấy chứng nhận đã nộp thuế của thuế cư dân thành phố và tỉnh”, là giấy có thể chứng nhận bạn đã nộp thuế. Những giấy chứng nhận đó sẽ cần thiết khi gia hạn visa, nhận hỗ trợ học tập hay tiền hỗ trợ học ở trường trung học phổ thông v.v., quyết định tiền thuê chung cư công cộng, đăng ký được ngân hàng cấp vốn hay cho vay tiền để mua nhà.

Ngoài ra, nếu bạn không khai báo thu nhập thì giấy chứng nhận không được cấp phát.

Dù bạn hiện đang sống ở thành phố Kawaguchi, nhưng giấy chứng nhận chịu thuế và giấy chứng nhận nộp thuế được cấp phát bởi thành phố, thị trấn, làng xã mà bạn đã sống vào thời điểm ngày 1 tháng 1 năm đó. Xin hãy lưu ý.

川口市では、あなたの１年間の収入、所得額等を証明する「市民税・県民税　課税・非課税証明書」や、あなたが税金を支払ったことを証明する「市民税・県民税　納税証明書」を発行しております。これらの証明書は、ビザの更新、就学援助、高等学校等就学支援金、公営住宅の家賃の決定、銀行への融資、住宅ローンの申し込み等の際に必要となります。

また、収入の申告をしていないと、証明書は発行できません。

なお、課税証明書や納税証明書は、現在、川口市に住んでいても、その年の１月１日に住んでいた市町村が発行しますのでご注意ください。

○ Các loại giấy chứng nhận

Các loại giấy chứng nhận	Nội dung chứng nhận	Lệ phí
Giấy chứng nhận chịu thuế (thu nhập) Giấy chứng nhận không chịu thuế	Ghi số tiền thu nhập, số tiền thuế trong năm, số tiền khấu trừ thuế v.v.	200 yên/tờ
Giấy chứng nhận nộp thuế	Chứng nhận bạn đã nộp thuế	200 yên/tờ

○　証明書の種類

証明書の種類	証明内容	手数料
課税（所得）証明書 非課税証明書	所得額、年税額、控除額等が記載されているもの	1 件　200 円
納税証明書	税金を支払ったことを証明するもの	1 件　200 円

○Nơi đăng ký và thời gian mở cửa v.v.

申請する場所と利用時間等

■ Quầy tiếp tân của Ban cư dân thành phố, Phòng cư dân thành phố ở tòa hành chính (shiyakusho) (tầng 3) và các chi nhánh (như Shiba, Shingo, Kamine, Angyo, Tozuka và Hatogaya)

Thời gian mở cửa: từ 8:30 đến 17:15 của ngày thường, đóng cửa vào thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, những ngày cuối và đầu năm.

市役所市民課市民係窓口（3階)及び各支所（芝、新郷、神根、安行、戸塚及び鳩ヶ谷）

利用時間　土・日・祝日及び年末年始を除く、平日8時30分から17時15分

■ Trung tâm hành chính trước ga Kawaguchi

Thời gian mở cửa: từ 8:30 đến 20:00 của ngày thường, từ 8:30 đến 17:00 của thứ bảy, chủ nhật, đóng cửa vào những ngày cuối và đầu năm.

川口駅前行政センター

利用時間　年末年始を除く、平日8時30分から20時00分

土・日祝日8時30分から17時00分

○ Những thứ cần thiết khi đăng ký

申請に必要なもの

■ Những giấy tờ có thể xác nhận bản thân (như bằng lái xe, thẻ lưu trú, hộ chiếu, thẻ bảo hiểm v.v.)

本人確認ができるもの（運転免許証、在留カード、パスポート、保険証等）

■ Tiền mặt (số tiền “lệ phí” như trên)

現金（上記「手数料」の額）

■ Người thay thế cần có giấy ủy nhiệm.
*Trong trường hợp bạn cần giấy chứng nhận của gia đình, người thân ở cùng một hộ gia đình trong thành phố Kawaguchi (là những người có tên trên cùng một phiếu cư dân) thì không cần giấy ủy nhiệm.

代理人の方は委任状が必要となります。

※ 川口市内で同一世帯の親族（住民票に一緒に載る人）の証明が必要な場合は不用です。

9. Các loại thuế khác của thành phố

９ その他の市の税金

Ngoài ra, thuế của thành phố còn có các loại thuế như sau. Nếu bạn thấy “tôi cũng phải nộp nhỉ?” thì hãy liên hệ với các bộ phận phụ trách.

他にも、次のような市の税金があります。「私も支払わなくちゃいけないのかな？」と思ったら各課にお問合せください。

○ Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (Phòng bảo hiểm sức khỏe quốc dân)

国民健康保険税（国民健康保険課）

Dựa vào chế độ bảo hiểm y tế ở Nhật Bản, tất cả mọi người đang sinh sống ở Nhật Bản ai cũng phải tham gia một trong những bảo hiểm y tế công cộng. Dù là người nước ngoài mà có tư cách lưu trú ở Nhật quá 3 tháng và không có tham gia bảo hiểm sức khỏe của công ty hoặc bảo hiểm y tế cho người cao tuổi kỳ sau v.v. thì cần tham gia sức khỏe quốc dân của thành phố.

Chủ hộ gia đình có người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân phải nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

*Phòng bảo hiểm sức khỏe quốc dân phát hành bộ giấy hướng dẫn. Xin hãy xác nhận.

日本の医療保険制度は、日本に居住する全ての人にいずれかの公的医療保険に加入していただきます。外国人であっても3ヶ月を越える在留資格がある人で会社の健康保険、後期高齢者医療保等に加入されていない人は、市の国民健康保険に加入する必要があります。国民健康保険の加入者がいる世帯主には、国民健康保険税を支払っていただくことになります。

※ 国民健康保険課が別にパンフレットを発行していますので、ご確認してください。

○ Thuế cư dân thành phố pháp nhân (Phòng thuế cư dân thành phố)

法人市民税（市民税課）

Thuế cư dân thành phố pháp nhân là loại thuế đối với các công ty có văn phòng hoặc cơ sở kinh doanh trong thành phố. Thuế cư dân thành phố pháp nhân được cấu thành bởi cách chia phần cân bằng (kintou-wari) và các chia phần thuế pháp nhân được tính toán dựa vào số tiền thuế pháp nhân (thuế của quốc gia).

法人市民税とは、市内に事務所や事業所のある会社に対してかかる税金です。法人市民税は、均等割と法人税額（国税）をもとに算出される法人税割とで構成されています。

○ Thuế cơ sở kinh doanh (Phòng thuế cư dân thành phố)

事業所税（市民税課）

Thuế cơ sở kinh doanh là loại thuế mà cơ sở (chủ) kinh doanh đang hoạt động kinh doanh với quy mô lớn hơn tiêu chuẩn nhất định phải nộp, chịu thuế tùy theo diện tích sàn, tổng số tiền lương của các nhân viên trong cơ sở kinh doanh.

事業所税は、一定規模以上の事業を行っている事業者（主）が支払う税金で、事業所の床面積や従業者の給与総額によって課税されます。

○ Thuế kế hoạch đô thị (Phòng tài sản cố định)

都市計画税(固定資産税課）

Là loại thuế mà những người sở hữu đất đai hoặc nhà ở trong khu vực đô thị hóa vào thời điểm ngày 1 tháng 1 hàng năm.

Những người chưa có đủ điểm miễn thuế trong thuế tài sản cố định thì không cần chịu thuế kế hoạch đô thị.

Bạn phải nộp 4 lần qua cùng một thư thông báo nộp thuế với thuế tài sản cố định.

毎年1月1日現在に、市街化区域内に所在する土地又は家屋を所有している人が支払う税金です。

なお、固定資産税において免税点未満の人には、都市計画税はかかりません。

固定資産税と合わせ、同一の納税通知書で、年4回に分けて支払っていただきます。

10. Thông tin liên hệ về thuế của thành phố v.v.

○ Thông tin liên hệ về thuế của thành phố

Nội dung	Thông tin liên hệ
Về việc nộp thuế Về việc nộp thuế cư dân thành phố và tỉnh, nộp thuế tài sản cố định, hỏi ý kiên	Phòng nộp thuế 048-259-7949
Về thuế cư dân thành phố và tình Về nội dung chịu thuế, việc khai báo của thuế cư dân thành phố và tỉnh	Phòng thuế cư dân thành phố 048-259-7634 048-259-7635 048-259-7636
Về thuế xe ô tô hạng nhẹ Về xe gắn máy từ 125cc trở xuống, xe ô tô hạng nhẹ v.v.	Phòng thuế cư dân thành phố 048-259-7633
Về thuế tài sản cố định Về việc chịu thuế của đất đai, nhà ở Về nội dung, việc khai báo thuế tài sản khấu hao	Phòng thuế tài sản cố định 048-259-7638 (Đất đai) 048-259-7640 (Nhà ở) 048-259-7637 (Khấu hao)
Về việc chứng nhận thuế của thành phố Về việc chúng nhận chịu thuế hay không chịu thuế, chứng nhận nộp thuế v.v.	Phòng cư dân thành phố 048-271-9259
Về thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân Nội dung chịu thuế của thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Phòng bảo hiểm sức khỏe quốc dân 048-259-7916
Về việc nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân Về việc nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân, hỏi ý kiến	Phòng nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân 048-259-7671
Về thuế của thành phố nói chung Khi không biết thông tin liên hệ về thuế của thành phố	Phòng chế độ thuế 048-258-1110 (Nội tuyến: 10110)

10 市の税金等の問合せ先

○ 市の税金の問合せ先

内　　容	問　合　せ　先
税金のお支払いについて 市民税・県民税、固定資産税のお支払い、相談について	納税課 048－259－7949
市民税・県民税について 市民税・県民税の課税の内容、申告について	市民税課 048－259－7634 048－259－7635 048－259－7636
軽自動車税について 125cc以下のバイク、軽自動車等について	市民税課 048－259－7633
固定資産税について 土地・家屋の課税について 償却資産の内容、申告について	固定資産税課 048－259－7638（土地） 048－259－7640（家屋） 048－259－7637（償却）
市税の証明について 課税・非課税証明、納税証明等について	市民課 048－271-9259
国民健康保険税について 国民健康保険税の課税の内容について	国民健康保険課 048－259－7916
国民健康保険税の納付について 国民健康保険税のお支払い、相談について	国保収納課 048－259－7671
市税全般について 市の税金の問合せ先がわからない時	税制課 048－258－1110 （内線10110）

(Điều quan trọng) Các bộ phận nêu trên chỉ có thể sử dụng tiếng Nhật. Những người không biết tiếng Nhật thì hãy đến các bộ phận với người biết tiếng Nhật, hoặc sử dụng chức năng dịch thuật trên trang web của thành phố Kawaguchi để xác nhận nội dung tại các bộ phận. Thời gian mở cửa là từ 8:30 đến 17:15, trừ thứ bảy, chủ nhật, những ngày cuối và đầu năm.

（重要） 上記の問合せ先は日本語による対応のみとなっています。日本語がわからない人は日本語のわかる人と一緒にご来庁いただくか、川口市のホームページの翻訳機能をご活用して各課の内容を確認してください。なお、問合せは、土日・祝日・年末年始を除く、8時30分から17時15分までとなります。

○ Thông tin liên hệ về thuế của tỉnh và quốc gia

Về tình của thuế Về thuế xe ô tô, thuế đăng ký bất động sản v.v.	Văn phòng thuế của tỉnh ở Kawaguchi 048-252-3571
Về thuế của quốc gia Về thuế thu nhập, thuế pháp nhân v.v.	Sở thuế Kawaguchi 048-252-5141 Sở thuế Nishi-Kawaguchi 048-253-4061

○ 県の税金、国の税金の問合せ先

県の税金について 自動車税、不動産取得税等について	川口県税事務所 048－252－3571
国の税金について 所得税、法人税等について	川口税務署 048－252－5141 西川口税務署 048－253－4061